Số báo danh: ……..
Phòng thi: ……..

BÀI KIỂM TRA CUỐI KỲ II
Môn: Tiếng Việt – Lớp 1
Năm học 2022 - 2023
(Thời gian làm bài: 60 phút).

Điểm :..... Bằng chữ:.....	Nhận xét:	Giám thị: ..... Giám khảo: .....

I. KIỂM TRA ĐỌC (10 điểm)

1. Kiểm tra đọc thành tiếng (7 điểm)

Giáo viên cho học sinh đọc 1 đoạn của một trong các bài tập đọc của sách TV1 tập 2: (Bữa cơm gia đình/36,37; Tôi đi học/45; Bác trống trường em/56,57; Nếu không may bị lạc/74; Câu hỏi của Sói/90; Loài chim biển cả/104)

2. Đọc hiểu (3 điểm):

a) Đọc thầm bài văn sau:

C©y liÔu dÎo dai

Th©n c©y liÔu tuy kh«ng to nh-ng dÎo dai. Cµnh liÔu mÒm m¹i, cã thÓ chuyÓn ®éng theo chiÒu giã. V× vËy, c©y kh«ng dÔ bị g·y. LiÔu cßn lµ loµi c©y dÔ trảng. ChØ cÇn c¾m cµnh xuèng ®Êt, nã cã thÓ nhanh chãng mäc lªn c©y non.

b) Dựa vào nội dung bài đọc, hãy khoanh vào chữ cái trước đáp án đúng hoặc làm theo yêu câu:

Câu 1. Đoạn văn trên nói về cây gì?

A. Cây cột đèn B. Cây bàng C. Cây liễu

Câu 2. *"Cành liễu rủ lá trông …….. như một mái tóc"*. Từ cần điền vào chỗ chấm là:

A. dẻo dai B. mềm mại C. xanh tốt

Câu 3. Vì sao nói liễu là loài cây dễ trồng?

A. Vì cây liễu còn là loài cây dễ trồng.

B. Vì chỉ cần cắm cành xuống đất, nó có thể nhanh chóng mọc lên cây non.

C. Vì cành liễu mềm mại, có thể chuyển động theo chiều gió.

Câu 4. Viết 1 câu nói về thân cây liễu trong đoạn văn trên:

II. KIỂM TRA VIẾT (10 điểm)

1.Chính tả. (7 điểm) GV đọc đoạn văn cho HS viết (khoảng 15 phút)

Bài tập. (3 điểm)

Câu 1. (M1-0,5 điểm) Điền vào chỗ trống:

a) **l** hay **n**? gạo …….ếp …ớp học ...ốp xe

b) **ôi** hay **uôi**? cơm ng..... cái ch...

Câu 2. (M1- 0,5 điểm) Nối mỗi hình vẽ với ô chữ cho phù hợp

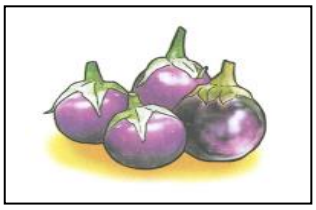
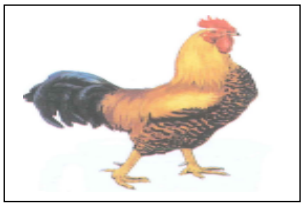

gà trống	bắp ngô	cà tím	dâu tây

Câu 3. (M2- 1 điểm) Nối ô chữ ở cột A với ô chữ ở cột B cho phù hợp:

A	B
Cô giáo	viết nắn nót.
Cây bàng	tỏa bóng mát.
Em	đang giảng bài.

Câu 4. (M3-1 điểm) Quan sát tranh rồi viết 1-2 câu phù hợp với nội dung bức tranh:

HƯỚNG DẪN VÀ BIỂU ĐIỂM CHẤM MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 1
CUỐI KỲ II NĂM HỌC 2022 - 2023

I. Đọc: (10 điểm):

1. Đọc thành tiếng: (7 điểm)

- Đọc to, rõ ràng, phát âm đúng: 4 điểm
- Biết ngắt nghỉ hơi khi gặp dấu câu: 1 điểm
- Đảm bảo tốc độ đọc 30 tiếng/1 phút: 1 điểm.
- Đọc sai hoặc không đọc được (dừng quá 5 giây/từ): trừ mỗi chữ 0,25
- Trả lời đúng câu hỏi nội dung: 1 điểm.

2. Đọc hiểu: (3 điểm).

Câu	1	2	3	4
	C	B	B.	Hs có thể viết câu: Thân cây liễu nhỏ nhưng dẻo dai. Hoặc: Thân cây liễu không to, dẻo dai.
Số điểm	0,5	0,5	1	1

II. Viết: (10 điểm)

1. Nghe-viết: (7 điểm)

- Bài viết không mắc lỗi chính tả, chữ viết rõ ràng, đúng mẫu, trình bày đúng đoạn văn, sạch sẽ: 7 điểm
- Cách trừ điểm: Lỗi sai, lẫn phụ âm đầu, vần, thanh, không viết hoa đúng quy định, cứ mỗi lỗi trừ 0,25 điểm.

2. Bài tập: (3 điểm).

Câu 1. (0,5 điểm) Điền đúng mỗi âm đầu hoặc vần vào chỗ chấm, cho 0,1 điểm, điền đúng 5 phụ âm đầu và vần được 0,5 điểm.

a) gạo nếp, lớp học, lốp xe.
b) cơm nguội, cái chổi

Câu 2. (0,5 điểm) Nối 4 ô chữ phù hợp với mỗi hình ảnh cho 0,5 điểm.

Câu 3. (M2- 1 điểm) Nối mỗi ô chữ ở cột A với ô chữ ở cột B phù hợp, cho 0,3 điểm.

A	B
Cô giáo	viết nắn nót
Cây bàng	tỏa bóng mát.
Em	đang giảng bài.

Câu 4. (1 điểm) HS viết được 1-2 câu phù hợp với các bức tranh, đầu câu viết hoa, cuối câu có dấu chấm, cho 1 điểm, mỗi câu 0,5 điểm. (HS viết theo sự quan sát của các em).

VD: Bé đang nằm ngủ. Mẹ quạt và đưa võng cho bé ngủ ngon.

(Nếu đầu câu không viết hoa, cuối câu không có dấu chấm, trừ 0,1 điểm mỗi câu).

*** Ghi chú:** ***Điểm kiểm tra môn Tiếng Việt là điểm TBC hai bài kiểm tra Đọc và Viết.***

PHẦN VIẾT CHÍNH TẢ - LỚP 1

Kiến và chim bồ câu

Nghe tiếng kêu cứu của kiến, bồ câu nhanh trí nhặt một chiếc lá thả xuống nước. Kiến bám vào chiếc lá và leo được lên bờ.